

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HS-ST

Ngày: 01 - 11 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T – huyện Năm Căn, Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm lưu động vụ án thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: Lưu H, sinh năm 1982.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Biết viết tên.

Con ông Lưu V và bà Lâm T.

Vợ tên Tạ M; Chưa có con.

Tiền án: 02 lần (Lần 01: Ngày 23/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tuyên phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 27/8/2014, chưa xóa án tích; Lần 02: Ngày 12/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 19/7/2015, chưa xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 17/8/2017.

Tạm giam ngày 22/8/2017.

2. Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: Châu T, sinh ngày 14/02/1993.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Biết viết tên.

Con ông Châu T và bà Lê K.

Vợ tên Lê Thị T1 (là bị cáo cùng trong vụ án); Con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Khởi tố và cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 03/10/2017.

Bắt và tạm giam ngày 25/10/2017.

3. Bị cáo thứ ba:

Họ và tên: Lê Thị T1, sinh ngày 19/9/1997.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 5/12.

Con ông Lê Văn T và bà Lâm Thị D.

Chồng tên Châu T (bị cáo trong cùng vụ án); Con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 17/8/2017.

Tạm giam ngày 22/8/2017.

4. Bị cáo thứ tư:

Họ và tên: Nguyễn Q, sinh năm 1991.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp V, xã N, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 5/12.

Con ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị H.

Vợ tên Nguyễn E; Con: 01 người sinh năm 2014.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 30/3/2017 bị Công an xã Nguyễn Huân xử phạt 750.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng, đã nộp phạt xong.

Tạm giữ ngày 17/8/2017.

Tạm giam ngày 22/8/2017.

- *Người bào chữa cho bị cáo Q:* Ông Trần Dân Q (có mặt)

Là Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* Bà Huỳnh Mỹ S (có mặt)

Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

- *Người bị hại:* Ông Phạm K, sinh năm 1974 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/8/2017, sau khi nhậu xong ở nhà ông Huỳnh Thanh Tr ở Ấp H, xã T, huyện N thì ông Tr kêu Lưu H lấy vỏ composite hiệu Quốc Dũng dài 5,9m và máy Mitsubishi 6.0 CV của ông T để đưa Châu T, Lê T và Nguyễn Q về nhà. Khi H điều khiển vỏ máy chở T, T1 và Q đến đoạn kênh Kho Hàng thuộc Ấp H, xã T, huyện N thì phát hiện lú bát quái của ông Phạm K đặt dưới sông không ai trông coi nên Q rủ T dỡ lú kiểm mồi về nhậu nên H dừng vỏ máy lại, Q và T trực tiếp xuống dỡ lú nhưng không có gì. Thấy lú không có người trông coi nên Q nảy sinh ý định rủ H, T và T1 lấy trộm lú để bán lấy tiền tiêu xài thì được cả bọn đồng ý. Lúc này, H đứng canh giới, Q và T trực tiếp tháo dây lú để chuyển lên vỏ cho T1 xếp lại. Q và T lấy được 12 cái lú bát quái và 03 cái mỏ neo thì H điều khiển chở Q, T, T1 và tài sản trộm được về nhà Q và bán lại cho Q với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau đó Q đưa cho H 100.000 đồng để mua xăng và thuật hút rồi vào nhà ngủ, còn H chở T và T1 về nhà T để lấy cây dao cán vàng rồi quay lại địa điểm trộm lú lần đầu để tiếp tục lấy trộm lú bát quái, tại đây H đứng canh giới, T trực tiếp lội xuống để cắt lấy lú rồi chuyển lên cho T1 xếp lại, T cắt được 09 cái lú bát quái và 01 mỏ neo thì H

điều khiển vỏ máy chở T, T1 và lú trộm được về nhà thì gặp bà Dương Thị N (vợ ông K) cùng người nhà phát hiện truy hô đồng thời trình báo sự việc đến Công an xã T. Sau khi nhận được tin báo, lực lượng Công an xã T cùng quần chúng nhân dân truy đuổi và bắt quả tang Lưu H và Lê T cùng với tang vật, còn T thì chạy thoát.

Cơ quan điều tra đã mời Nguyễn Q làm việc thì Q thừa nhận hành vi cùng với H, T và T1 trộm 12 cái lú bát quái và 03 mỏ neo, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà của Q.

Đến ngày 03/10/2017, Châu T được gia đình đưa đến Cơ quan điều tra Công an huyện Năm Căn đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 16 ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Năm Căn kết luận:

- 21 (hai mươi một) cái lú bát quái, chiều dài 09m/cái. Mua mới tháng 6/2017. Tỷ lệ chất lượng còn lại 90% bằng số tiền 6.804.000 đồng (Sáu triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng);

- 04 (bốn) cái mỏ neo bằng sắt, trọng lượng 04 kg/ cái. Mua mới tháng 6/2017. Tỷ lệ chất lượng còn lại 90% bằng số tiền 432.000 đồng (Bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng);

Tổng giá trị tài sản định giá là 7.236.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Ngày 28/8/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Phạm K 21 (hai mươi một) cái lú bát quái và 04 (bốn) cái mỏ neo.

Đối với ông Huỳnh Thanh Tr không biết H cùng đồng bọn dùng phương tiện của ông để đi trộm cắp tài sản nên ngày 06/9/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Huỳnh Thanh Tr 01 vỏ composite hiệu Quốc Dũng dài 5,9m và 01 máy Mitsubishi 6,0 CV.

Ông Phạm K có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo Lưu H, Châu T, Lê T và Nguyễn Q, về dân sự thì không yêu cầu.

Tại bản cáo trạng số 23/KSĐT-KT ngày 19/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố đối với Lưu H và đồng bọn về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố.

Đề nghị áp dụng điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 09 đến 15 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 từ 06 đến 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 06 đến 09 tháng tù.

+ Trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ông K với tổng số tiền là 1.950.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo H: Mức án đề nghị cao, đề nghị áp dụng điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tách yêu cầu của ông K thành một vụ kiện dân sự khác.

- Người bào chữa cho bị cáo Q: Đề nghị áp dụng điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử bị cáo Q dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tách yêu cầu của ông K thành một vụ kiện dân sự khác.

- Bị cáo H đồng ý với toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý; xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo T đồng ý với toàn bộ nội dung bản Cáo trạng; xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo T1 đồng ý với toàn bộ nội dung bản Cáo trạng; xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Q đồng ý với toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, lời bào chữa của luật sư; xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại: Yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật, về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập là 5.200.000 đồng và chi phí thuê đồ đi bắt các bị cáo; Đối với yêu cầu về bồi thường thì tại phiên tòa ông K chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người bị hại,

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với những chứng cứ được thẩm tra tại tòa, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 16/8/2017, Lưu H cùng Châu T, Lê Thị T1 và Nguyễn Q lợi dụng lúc ông Phạm K lơ là không trông coi tài sản nên đã lấy trộm 12 cái lú bát quái và 03 cái mỏ neo bằng sắt; Sau đó T, T1 và H cùng quay lại tiếp tục lấy trộm thêm 09 cái lú bát quái và 01 cái mỏ neo bằng sắt. Tổng cộng tài sản ông K bị mất trộm là 21 cái lú bát quái và 04 cái mỏ neo bằng sắt.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 16 ngày 18/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Năm Căn kết luận:

- 21 (hai mươi một) cái lú bát quái, chiều dài 09m/cái. Mua mới tháng 6/2017. Tỷ lệ chất lượng còn lại 90% bằng số tiền 6.804.000 đồng (Sáu triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng);

- 04 (bốn) cái mỏ neo bằng sắt, trọng lượng 04 kg/cái. Mua mới tháng 6/2017. Tỷ lệ chất lượng còn lại 90% bằng số tiền 432.000 đồng (Bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng);

Tổng giá trị tài sản định giá là 7.236.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Riêng bị cáo Q chỉ thực hiện hành vi trộm cắp cùng với H, T và T1 12 cái lú bát quái và 03 cái mỏ neo bằng sắt, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.212.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố các bị cáo Lưu H, Châu T, Lê Thị T1 và Nguyễn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của ông K được pháp luật bảo vệ; hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động chỉ muốn hưởng thụ trên sức lao động của người khác, đã lợi dụng lúc người khác sơ hở lén lút trộm cắp tài sản. Trong thời gian gần đây tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Năm Căn, cũng như tại xã T diễn ra liên tục, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, từ đó Tòa án nhân dân huyện Năm Căn mở phiên tòa xét xử lưu động nhằm tuyên truyền pháp luật đến người dân, cũng nhằm răn đe và ngăn ngừa tội phạm chung trong xã hội; Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt

ng nghiêm khắc để răn đe, giáo dục các bị cáo thành người tốt và ngăn ngừa tội phạm.

Việc lấy trộm tài sản của các bị cáo là tự phát, các bị cáo không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ trước nên hành vi trộm cắp của các bị cáo không thuộc T hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến những tình tiết tăng nặng đối với từng bị cáo.

- Đối với bị cáo H có 02 tiền án chưa được xóa án tích về tội “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Lần phạm tội này cho thấy bị cáo bất chấp pháp luật, không biết sửa đổi, không ăn năn hối cải nên cần có hình phạt cao hơn các bị cáo khác để răn đe bị cáo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

- Bị cáo T và T1 là người tham gia tích cực suốt trong quá trình gây án, trộm 21 cái lú và 04 mỏ neo.

- Bị cáo Q có 01 tiền sự về hành vi Gây rối trật tự công cộng và là người rủ các bị cáo khác trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo chỉ tham gia trộm 12 cái lú và 03 cái mỏ neo với tổng tài sản giá trị 4.212.000 đồng, nên mức hình phạt của bị cáo Q phải cao hơn T và T1.

Về tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo như:

- Đối với bị cáo H là thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc, có trình độ văn hóa thấp được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- Đối với các bị cáo T, T1 và Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T là người dân tộc thiểu số, bị cáo chỉ biết viết tên nên nhận thức về pháp luật hạn chế; tài sản đã được thu hồi giao trả lại cho ông K; nên bị cáo T, T1 và Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi và giao trả cho ông K, tại phiên tòa ông K yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường về mất thu nhập với số tiền là 5.200.000 đồng và chi phí thuê phương tiện đi bắt các bị cáo; Tuy nhiên, việc yêu cầu của ông K chỉ mới đặt ra tại phiên tòa, ông K cũng chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình; để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của ông K và của các bị cáo; Hội đồng xét xử quyết định tách yêu cầu của ông K thành một vụ kiện dân sự nếu ông K có yêu cầu.

Xét ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H: Có căn cứ.

Xét ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Q: Có căn cứ.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát: Có căn cứ chấp nhận.

Đối với ông Son khi giao vũ máy thì không biết các bị cáo dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản, nên không đặc ra xử lý là đúng theo quy định pháp luật.

Án phí hình sự sơ thẩm: Đối với bị cáo H có đơn xin miễn án phí, căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, thì án phí hình sự không thuộc T hợp được miễn, nên yêu cầu của bị cáo H là không có căn cứ. Nên án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Lưu H, Châu T, Lê Thị T1 và Nguyễn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*** Áp dụng:**

1. Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 20 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lưu H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017.

2. Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 20 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Châu T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 25/10/2017.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Q 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Tách yêu cầu của ông K thành một vụ kiện dân sự, nếu ông K có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Lưu H, Châu T, Lê Thị T1 và Nguyễn Q **mỗi** bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án xử sơ thẩm, những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện Năm Căn;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia TT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Hoàng Tuấn